

**TIỂU LUẬN BẢO BỘ
HAY SỰ KHAI TRIỂN PHÁT CHẤT
ĐỂ ĐÓNG GÓP CHO NỀN VĂN HÓA TÂM LINH CỦA NHÂN LOẠI**

Cư sĩ Liên Hoa

<http://www.lien-hoa.net>

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 27-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

- Kính dâng lên chư Tổ, Ân sư Thích Viên Đức,
- Thích Quảng Trí và những hành giả Du già, đã và đang âm thầm nuôi dưỡng, duy trì và phổ biến Mật giáo tại Việt Nam.
- Kính tri ân những tác giả các quyển sách mà tôi đã trích đăng hay tham khảo khi viết bài tiểu luận này.
- Thương tặng Thanh- người vợ và là người bạn đạo đồng hành.

"Trong tất cả các pháp, tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe. Nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự vui vẻ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình"

(Kinh Pháp cú, phẩm Song yếu).

Tùy duyên sự sự liễu
nhật dụng hà khiếm thiếu?
nhất thiết đản tâm thường
tự nhiên bất điên đảo

Nghĩa:

Tùy duyên mọi việc xong
hàng ngày đâu sợ thiếu
tất cả là tâm thương
tự nhiên hết điên đảo
Thiền sư Chân Tịnh

Một buổi chiều, sau một ngày đi làm về mệt mỏi, tôi nằm trên bộ salon ở phòng khách, thư giãn. Có thể đầu óc trống rỗng đẽ xua đuổi đi những va chạm, phức tạp của đời sống thường nhật còn vẩn vương. Mỗi ngày, tôi vẫn thường làm như vậy, như một cái bình ắc-quy đã bị hao kiệt sau một ngày sử dụng, giờ cần bù đắp lại năng lực. Cuộc đời như là cái biển bao la, có những đợt sóng- sóng lớn, sóng nhỏ. Sóng sau xô đẩy sóng trước, rồi sóng sau lại trở thành sóng trước kế tiếp, nhưng thật ra lòng biển vẫn yên lặng, dù có những lăn xăn xao động vẫy vùng nổi trên mặt.

Nhìn qua cửa sổ, sau tấm màn. Bên ngoài, nắng dịu bớt, không khắc khe như vào lúc giữa trưa. Không khí chung quanh thật trong lành, êm dịu. Những dãy cây vẫn im lìm, vươn lên cao theo cùng năm tháng; lá đong đưa, biết rằng đã có những cơn gió thổi nhẹ. Vài con bướm lượn nhón nhơ trên những đóa hoa hồng, đậu, bay, đùa giỡn, tạo thành bức tranh thật đẹp. Thiên nhiên đã cho con người nhiều cái đẹp, cái đẹp ẩn sau những lớp bụi bặm của khổ đau, phiền toái và chúng ta có thể nhặt được cái đẹp ở mọi nơi nơi. Có người nói rằng: “Khi tâm an tịnh, không mảy may dấu vết, thì cảnh vật chung quanh sẽ trở mình sống động, có hồn”. Có phải như vậy chăng?

Ngay tại cửa sổ phòng khách, đặt một cây đàn dương cầm bằng gỗ “Hồng tâm”. Cây đàn đã được mua khi đưa con gái lớn của tôi- Bảo Vương, còn học lớp 8. Mỗi tuần có bà Giáo sư Dương cầm đến nhà dạy kèm cả lý thuyết, nhạc lý và thực hành. Con gái tôi đã có 5 năm học hay thời gian dài vọc phá trên phím đàn dương cầm, nhưng vẫn còn đàn chưa khá. Bản nhạc Soranate của Schubert chợt vang lên, do nó vừa trở tài, vì biết tôi rất thích bản nhạc này. Tiếng nhạc thánh thót, từng nhịp nối nhau, trườn mình, dẫn dắt đi sâu vào tâm hồn người lắng nghe như từng giọt mật thấm ướt. Ngọt lịm, thoải mái, không tư lự ...như là gom cả giang sơn, cả vũ trụ lắng đọng trước mắt, trong người, trong tim non. Ngồi bên cạnh nó, trên cái ghế dài, là đứa con trai tôi- Bảo Lâm, đang được chị nó vừa đàn vừa dạy. Hai chị em rất khác tánh nhau. Đứa chị thì ham đọc sách, đàn, năng động, điệu hiên v.v..Đứa thì hãy còn ham chơi, im lặng, thích thể thao, games, mặc dù học rất giỏi. Hai cá tánh đó, cần phải có bù qua xót lại, để quân bình. Nhiều lần giải thích cho đứa con trai tôi rằng: “Ngoài những thứ con thích, con cũng cần nên học thêm đàn. Giờ thì con không thấy ích lợi, nhưng lớn lên, khi con ra làm việc, gặp những tình huống bức xúc, căng thẳng, một bản nhạc mà con đàn, có thể chuyên chở đi những ưu sầu đang có mặt...”. Nhưng nói gì thì nói, cũng khó ép được nó, trừ những lúc nó bỗng yêu thích đàn, như ngày hôm nay.

Nhìn hai đứa nó, tôi chợt nghĩ đến con người mình được chia ra làm hai cho hai đứa con. Mỗi đứa giống một phần nữa của tôi, chỉ có khác là ba nó thì chậm chạp, còn hai đứa lại quá lanh lợi, thông minh. Tôi rất thích âm nhạc, dù không biết nhạc lý hay ca hát gì, nhưng vẫn thường hay nghe ngao ca hát, dù chẳng có gì hay ho. Nhớ lúc còn học Trung học Đệ Nhị cấp tại Trường Tân Thành ở Saigon trước kia, vào thập niên 60. Niên học đó, tôi được bầu là Trưởng lớp. Sau khi tổ chức Tất niên xong, lớp tôi rất được nổi tiếng. Thừa thắng xông lên, vào dịp gần cuối niên khóa, chúng tôi lên văn phòng Hiệu Trưởng xin tổ chức buổi văn nghệ Hè vừa để các bạn học chia tay nhau, vừa tiễn biệt một số bạn lên đường tòng quân nhập ngũ. Được Hiệu Trưởng của trường chấp thuận, Hè năm đó, chúng tôi tổ chức thật linh đình, có dàn nhạc, trống kèn v.v.. Đúng giờ khai mạc, sau khi tôi đọc diễn văn tuyên bố lý do xong và sau vài lời giới thiệu, cảm tưởng v.v.. của các vị giáo sư của lớp; một chương trình văn nghệ đặc sắc bắt đầu. Tôi xin được lên ca đầu tiên (Có lẽ vì là Trưởng lớp kiêm Trưởng ban Tổ chức, nên không một ai phản đối mà còn vỗ tay ủng hộ). Tôi nhớ bản nhạc được trình bày lúc đó là “Xin anh giữ trọn tình quê”. Vì tình hình chiến sự lúc đó đang hồi khốc liệt, vì sắp chia tay một số bạn bè lên đường đi lính, hơn nữa, sự chết chóc, thương tích của nạn nhân chiến tranh trong thời cuộc mỗi ngày mỗi dày lên trên báo chí, truyền hình v.v. Sự sống chết không biết ra sao, lẫn lộn trong tâm tư tất cả mọi người dân, làm cho mọi dự tính, mọi ước vọng như vượt khỏi đôi tay, thật sự làm tôi xúc động. Tôi để tất cả tâm hồn trong bản nhạc, hát như chưa bao giờ mình hát, nên nức nở, nghẹn ngào. Vừa dứt bản nhạc, mọi người vỗ tay nồng nhiệt. Điệp- bạn cùng lớp học, cũng là người trong Ban Tổ chức và tay đàn guitar, ngoắt tôi lại nói nhỏ: “Anh ca hay quá xá quạ xa”. Tôi khoan khoái trong bụng, và hãnh diện nữa, cảm thấy mình như một ca sĩ thứ thiệt. Nhưng, Điệp nói tiếp, nhỏ vừa đủ tôi nghe: “Anh Minh! Nếu mà anh đừng ca thì hay hơn, vì anh ca không trúng nhịp nên tôi đờn chạy theo mệt quá, không biết chỗ nào anh lên, chỗ nào xuống. Ca nghe buồn nảo nuột, tiếc rằng không có chuông mõ nhịp theo anh cho đúng điệu”. Tôi cười vang lên, chơi ác thiệt. Và từ đó, tôi biết nhiều hơn về chất nghệ sĩ và tiếng hát muôn thuở của tôi. Tuy nhiên, xin nói nhỏ cho nghe là tôi rất có nhiều cảm xúc và biệt tài làm thơ nữa, như bài thơ tuyệt diệu sau (tự khen trước) được sáng tác trong dịp tổ chức tiệc tại nhà và Thanh- vợ tôi đang chiêm chả giò:

Tóc em thoang thoang mùi giò chả

ngửi tới ngửi lui, đúng chả giò

“Chàng cùng tử lại cất bước ra đi. Một buổi sáng tinh mơ, khi những giọt sương còn đọng trên những nhánh lá. Chim bắt đầu hót ví von để báo hiệu một ngày mới. Một ngày mà đối với tất cả mọi người, là ngày mới; nhưng với chàng Cùng tử lại chẳng có một ý nghĩa nào. Cũng là một ngày như mọi ngày. Một lần nữa, chàng lại lê bước chân hoang dại, thất thểu bước đi. Đã bao ngày qua, không một hột cơm trong bụng. Đói lả, mắt so buồn, hoang vắng, thân hình tiều tụy, một ý nghĩ không tha thiết sống trên cõi đời này nữa đang lớn vồn trong đầu óc chàng. Sao cuộc đời ta đau khổ như thế này? Biết bao nhiêu là bất hạnh đổ dồn đến...thất lạc cha mẹ, không bà con thân thích, không một ai muốn mượn làm để kiếm tiền độ nhật. Mọi người đều xua đuổi. Chàng khẽ than thầm, chưa biết cách nào mà giải quyết.

Một hôm, chàng dừng bước trước một căn nhà sang trọng, có nhiều tôi tớ- gái lẫn trai. Tần ngần trước cửa, bằng dáng điệu đói khổ, thiếu não có ý cho có người thấy động lòng, để xin chút cơm cho qua bữa đói. Từ trong nhìn ra, ông Trưởng giả- gia chủ- nhìn thấy người thanh niên đang xin ăn, chột giật mình. Ông giật mình là phải, vì người thanh niên đó giống như là người con trai mà ông đã thất lạc qua bao nhiêu năm tháng. Lòng ông thật bồi hồi xúc động, lẫn nhiều lo lắng. Nếu nhận ra ngay là con mình, có lẽ sẽ làm chàng ta lo sợ. Thôi thì, trước nhất cứ mượn nó làm người gia công trong nhà trước đã, rồi từ từ tìm hiểu rõ thân thế và nhận nhau sau. Và ông nói ý định mượn chàng cùng tử đó. Chàng thật là cảm động lẫn lo sợ, vì sự bất ngờ này. Và từ đó, chàng chính thức được ở trong căn nhà của người phú hộ này. Làm việc siêng năng, cực nhọc, không từ nan bất cứ việc gì để vừa lấy lòng gia chủ, vừa có chỗ nuôi sống, ổn định. Một ngày nọ, ông Trưởng giả gọi chàng ta lại và nói rằng: “Con làm việc ở đây đã lâu. Ta nhận thấy con siêng năng, cần mẫn và lại thông thạo hết mọi việc trong nhà này. Cho nên, ta quyết định cho con làm quản gia. Từ nay, con phải giúp ta quán xuyến mọi công chuyện trong nhà, và đừng để ta thất vọng”. Thật là vô cùng mừng rỡ, vì điều đó chàng ta chưa bao giờ dám nghĩ tới, huống nữa là mong đợi. Do đó, chàng càng cố gắng nhiều hơn nữa, lo toan hết tất cả mọi chuyện trong nhà từ trông coi nhân sự, sổ sách giấy tờ, mọi sự chi tiêu v.v...Cho đến một hôm, ông Trưởng giả lại gọi chàng và nói: “Này con ạ! Con chính là đứa con trai thất lạc của ta. Ta đã nhận biết con ngay ngày đầu mới gặp, nhưng ta không thể nói cho con biết liền được, vì con sẽ ngỡ, sợ hãi, và hơn nữa; con không biết thành thạo hết tất cả những gì mà ta muốn giao lại cho con. Cho nên, ta đã dần tẩm lòng của người cha thương con, mà tập cho con mọi công chuyện trong những năm tháng dài qua. Nay, con đã thành thực tất cả mọi việc và cũng đến lúc, cha con ta nhận lại nhau. Con chính là

đứa con ruột mà ta đã thất lạc từ lâu rồi và nay, ta giao lại cho con tất cả những gì mà cha có, để con trở là chủ nhân của ngôi nhà này”.

Câu chuyện trên đã được Đức Phật nói trong Phẩm thứ tư : Tín giải của Kinh Pháp Hoa, để nói về giáo lý cao siêu mà Ngài đã tìm ra hay gia tài tâm linh vô giá mà Đức Phật muốn chỉ bày cho chúng sanh, đó là Tri Kiến Phật. Và bàng bạc trong toàn bộ kinh Pháp Hoa, cũng nói lên tư tưởng thâm áo này để làm hiển lộ Tánh Phật, đó là viên ngọc vô giá mà mọi người đều có mà lại bỏ quên hay đó là gia tài pháp lạc của mỗi chúng sanh.

Đại sư Thái Hư trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng Diễn lục của, trang 124, giải thích về ý nghĩa của Phật Tri Kiến như sau:”Phật đã thân chứng Nhất Chân Thực tướng là sở chứng, Chánh trí năng chứng Pháp tánh là năng chứng. Cái Tri kiến Năng Sở đồng thời, gọi là Phật Tri kiến. Bởi vì Đức Phật nhận thấy chúng sanh vốn có sẵn đầy đủ thể tánh này, nhưng bị 2 món chướng phiền não và vô minh che khuất, như đất đê phủ trên hạt giống cỏ hay như quặng trong mỏ che khuất vàng ròng. Cho nên, Ngài khai hiển cho chúng sanh nhìn thấy Phật Tri kiến và chúng sanh tự khai phát và làm tăng trưởng Thể tánh này”.

Trong Tự điển Phật học của Đoàn trung Còn, trang 634, nói về Phật Tri kiến như sau:”Đó là sự biết và sự thấy của Phật, gồm đủ Tam trí: 1-Nhất thiết trí của hai hàng Thanh văn và Duyên giác. 2-Đạo chủng trí của hàng Bồ tát. 3-Nhất thiết chủng trí của hàng Như Lai và Phật lại có Ngũ nhãn như Nhục nhãn, Thiên nhãn, Huệ nhãn, Pháp nhãn và Phật. Cho nên, Ngài biết tất cả và do Phật tri kiến, Ngài hay khai thông và chỉ bảo cho chúng sanh để họ đắc nhập Phật Tri kiến”.

Cuộc sống chúng ta vì mê làm nên đã bao lần thay đổi hình dạng qua các ngã luân hồi: Trời, người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh... và nay, có duyên lớn được làm thân người. Do vọng tưởng, do kiến thủ, chấp trước từ bao đời và như chàng cùng tử, chúng ta chấp nhận làm thân hèn mọn, ôm những kiến chấp nhỏ nhoi đã cho là đầy đủ và theo duyên nghiệp, đưa cuộc đời lang thang vô định. Có thể có đời sống vật chất được sung túc, có địa vị, có danh vọng hay có tất cả những gì mà một con người bình thường ước muốn, nhưng rồi ra sao? Hay ta có những lý tưởng cao siêu, có đời sống nội tâm dồi dào, có trình độ tâm linh khả dĩ v.v..nhưng làm sao chúng ta có thể chấp nhận được, trong cái thân ngũ uẩn, cái thân sanh diệt này lại có cái Tánh giác, tánh Phật thường hằng không sanh diệt, nhưng đây chính là gia tài mà ông Trường giả hay Đức Từ phụ muốn chỉ lại cho chúng

ta. Muốn chấp nhận sức sống mãnh liệt đó, điều trước nhất, ta phải tin chắc rằng ta có đầy đủ tánh Phật tiềm ẩn qua bao lớp kiến thủ, nội kết của vọng tâm và phải qua những cửa "vô môn" để vọng trần rơi rụng và hiển lộ Tri Kiến đó. Chấp nhận được điều này rất là vô vàn khó khăn, bởi vì chúng ta đã quen với sự trói buộc trong ngôi nhà lửa, quen với những sở hữu, tham chấp, vọng kiến. Cho nên, Ông Trưởng giả của Kinh Pháp Hoa chỉ là người đánh thức cái khả năng kỳ diệu đó trong con người của chàng Cùng tử và chính chàng Cùng tử mới đích thực là người phải khai triển và giác ngộ Tánh Phật đó cho chính mình.

Ngộ được Phật Tri Kiến, tức giải được bài toán của cuộc lữ hành mà con người đã giẫm bước qua bao nhiêu kiếp, nương nơi sự ngộ này, lần đi tới nhập Phật Tri kiến, như khai Thủy giác đối với bất giác.

Khi sư tử con nhìn xuống hồ nước và thấy hình dạng của mình hiện ra rõ ràng và khám phá ra thực tướng mình là chúa tể của sơn lâm, nó rùng mình một cách oai dũng và rống một tiếng rền vang cả rừng thẳm, để biết rằng uy lực màu nhiệm tiềm ẩn trong nó vừa chợt nhận ra.

Và nơi đây, chúng ta lại nghiên cứu đến Mật giáo nói chung, và riêng Bảo Bộ trong Mật giáo, làm thế nào khai triển Tánh giác hay Phật chất trong con người chúng sanh để thể nhập vào cảnh giới vi diệu của Đức Phật và thân chứng như Ngài.

Sự dày đặc của vô minh đã làm cho mọi loài luân chuyển mãi trong vòng luân hồi sanh tử, cho đến một lúc nào đó, khi nhân duyên chín mùi, và chợt hỏi lại chính thân phận mình? Khi có sự tự tra vấn cũng là bắt đầu chàng Cùng tử đã dọn đường để bước đi trở về nhà. Cái cửa "vô môn" là lối thoát khi nhận chân được Phật Tánh trong con người bình thường của mình hay của mọi loài từ tình lẫn vô tình. Khi câu hỏi được đặt ra là: Cục đá có tánh Phật hay không? Cũng là một sự tra vấn quyết liệt, mạnh bạo của nghi vấn cuối cùng về loài vô tình như một xác quyết lần nữa, tánh phổ quát của Chân tâm.

Bước chân của Đấng Cha Lành đã khởi đầu đi truyền bá cái Chân lý cao siêu hay sự Giác Ngộ này, nhằm giúp chúng sanh phá vỡ bản ngã đã giam cầm con người, để đạt Tri kiến Phật, cũng chỉ vì lòng đại bi, nhìn thấy mọi hàm linh đang lặn hụp trong bể khổ điên đảo, vọng tưởng.

Trải qua thời gian dài 49 năm, sau khi Phật nhập diệt, vì để tùy thuận chúng sanh, tất cả mọi Tông phái đều nở rộ ra, nhưng với mục đích duy nhất là nhận ra và thành tựu “Con người Giác Ngộ”. Mật giáo là một phần đóng góp thêm vào sự tự tra vấn này, điều đó có nghĩa là khi thực hành những Nghi quỹ Mật giáo, người hành giả đã xác quyết hay hoàn toàn có niềm tin vững chắc vào Tánh giác của mình và qua phương tiện này, cốt để làm hiển lộ ra và, Mật giáo đã xuất hiện như thế. Giữa Bồ tôn và hành giả, là sự ấn chứng lẫn nhau. Bồ tôn là Tất địa mà hành giả cần đạt tới, thể nhập, trong lý tưởng Tự giải thoát (Lý). Hành giả là sự thể hiện Bồ tôn trong sự sống phàm tục để hướng đến Giác tha, Giác hạnh viên mãn (Sự). “Các phương pháp Tam Mật gia trì của Mật tông cũng đều là pháp của Đức Như Lai Đại Nhật, nghĩa là phương pháp được xướng khởi trên mặt quả hay là trên sự chứng nghiệm rồi. Chuyên tâm tu tập phương pháp này tức được công dụng vi diệu trên một sự kinh nghiệm rồi. (Nhất niệm gia trì nhất niệm Phật, niệm niệm gia trì niệm niệm Phật). Trong một khoảng thời gian nhỏ nhất như ý nghĩ dụng công thực hành theo Mật tông, ngay trong khoảng khắc đó đã thể hiện trọn vẹn hình ảnh Đức Phật, liên tục gia công hành pháp, tức liên tục duy trì hình bóng Đức Phật- tức thân là Phật ngay khi hành”. (Huyền luận Kinh Diệu Pháp Liên Hoa của Đại sư Thái Hư, Minh Lễ dịch, tr. 89)

Về sự thành hình Mật giáo như thế nào, vì đã được trình bày trong các Tiểu luận trước, nên không lặp lại. Nay, chỉ nói riêng về Bảo bộ, là một Bộ trong năm Bộ của Mật giáo.

Đến với Mật giáo là đi xuyên qua bao lớp hiểu lầm, nào là bùa chú, pháp thuật, kỳ quái v.v..có lẽ do sự diễn dịch của những nhà nghiên cứu hoặc các hành giả-theo như ý mình- về sự bí mật của Tông phái này để tạo thêm huyền hoặc và do đó, dán lên nhiều nhãn hiệu sai khác, mà quên đi cái bến bờ Giác ngộ hay Tất địa của Tông phái này. Khi nói đến Bảo bộ, sự hiểu lầm càng đậm nét hơn. Nhiều người nói rằng: “ Tu theo Bảo bộ là để cầu tài bảo, giàu sang, phong nhiêu v.v...” .Trong cuộc đời vô thường này, mọi vật đều luân chuyển và giả danh tạm đặt. Nếu đời sống giàu sang, quyền quý v.v...là cứu cánh, là mơ ước cao nhất của con người, thì Thái Tử Siddharta đã không rời khỏi Hoàng cung, từ bỏ vợ con, từ bỏ ngôi vị cao nhất nước- đó là trở nên một vị Quốc Vương sau này, để giữa đêm khuya, vào rừng sâu, cạo bỏ râu tóc, trở thành một đạo-sĩ, đi tìm chân lý và chúng ta đã có một vị Đại Giác. Cái tâm lòng này, cái đại chí đại nguyện này, chỉ với mục đích duy là tìm con đường giải thoát trầm luân cho chính Ngài và cho tất cả chúng sanh. Phải hiểu rõ tâm trạng của Ngài sau khi đã đi qua bốn cửa thành, chứng kiến sự sanh, sự già, bệnh tật, sự chết và sự quyết định tối ư

quan trọng này hẳn phải cho một cái gì cao quý hơn là vàng bạc, châu báu hay giàu sang phú quý hoặc đục lặc thường tình của thế gian. Hiểu rõ như vậy, chúng ta mới nhận thức được rằng: “Bảo bộ chính là kho tàng Tâm vô giá, hay chính là Tri Kiến Phật, mà chính Ngài đã tìm ra và trao lại cho chúng ta”.

Tuy nhiên, cũng không phủ nhận rằng: Có sự linh ứng mầu nhiệm của Mật giáo hay có sự chiêu cảm những phước báo v.v...nhưng, đó chỉ là do sự miên mật hành trì của hành giả, nên “tội diệt thì phước sanh” và chỉ là những y báo tùy thuộc vào sự tịnh hóa nghiệp lực hay chỉ là vi trần của chánh báo trong mỗi người.

Cái Chánh báo hay Bảo bộ mà người hành giả muốn đạt được là Tất địa hay thể nhập vào Phật Tánh và đắc thành quả Phật. Vậy Bảo bộ được khai triển như thế nào để đạt được đến bờ giác đó? và để phá bỏ quan niệm sai lầm này, cần nghiên cứu sâu vào Bộ này để biết từ yếu tố hay nhân duyên nào hình thành Bảo bộ và Bảo bộ là biểu tượng cho cái gì ?

“ Suốt thời gian của 7 ngày đầu khi thành đạo, Đức Phật ngồi không lay động dưới tàng cây Bồ-đề để chứng Hạnh Phúc Giải Thoát (Vinuuti Sukha). Trong đêm cuối tuần, Ngài xuất thiền và suy niệm về Mười hai Nhân duyên (Paticca Samuppāda): Khi cái này (Nguyên nhân) có, thì cái kia (Kết quả) có. Với sự phát sanh của cái này (Nhân), cái kia (Quả) phát sanh.

Tùy thuộc vào Vô minh (Avijjā), Hành (Sankhārā), thiện hoặc bất thiện phát sanh. Tùy thuộc nơi Hành, Thức (Vīnñāna) phát sanh. Tùy thuộc nơi Thức, Danh Sắc (Nāma Rūpa) phát sanh. Tùy thuộc nơi Danh Sắc, Lục căn (Slāyatana) phát sanh. Tùy thuộc nơi Lục căn, Xúc (Phassa) phát sanh. Tùy thuộc nơi Xúc, Thọ (Vedanā) phát sanh. Tùy thuộc nơi Thọ, Ái Dục (Tanhā) phát sanh. Tùy thuộc nơi Ái Dục, Thù (Upādāna) phát sanh. Tùy thuộc nơi Thù, Hữu (Bhava) phát sanh. Tùy thuộc nơi Hữu, Sanh (Jati) phát sanh. Tùy thuộc nơi Sanh, Bệnh (Jara) Tử (Marana) Phiền não (Soka) Ta thân (Pariveda) Đau khổ (Dukkha) Âu sầu (Domanassa) và Thất vọng (Upayāsa) phát sanh.

Khoảng giữa đêm, Đức Phật lại suy niệm Mười Hai Nhân Duyên theo chiều ngược lại: Khi nguyên nhân này không còn thì quả này không còn. Với sự chấm dứt của nhân này, quả này cũng chấm dứt. Với sự chấm dứt của Vô minh, Hành chấm dứt. Với sự chấm dứt của Hành, Thức chấm dứt. Với sự chấm dứt của Thức, Danh Sắc chấm dứt. Với sự chấm dứt của

Danh Sắc, Lục căn chắm dứt. Với sự chắm dứt của Lục căn, Xúc chắm dứt. Với sự chắm dứt của Xúc, Thọ chắm dứt. Với sự chắm dứt của Thọ, Ái chắm dứt. Với sự chắm dứt của Ái, Thủ chắm dứt. Với sự chắm dứt của Thủ, Hữu chắm dứt. Với sự chắm dứt của Hữu, Sanh chắm dứt. Với sự chắm dứt của Sanh, Bệnh, Tử, Phiền não, ta thân, Đau khổ, Âu sầu và Thất vọng chắm dứt. Như thế, toàn khối đau khổ chắm dứt.

Và vào tuần lễ thứ bảy, vào lúc bình minh sau đêm Ngài đắc quả Vô Thượng, Đức Phật đã nói:

“Xuyên qua nhiều kiếp sống trong vòng luân hồi, Như Lai thành thang đi, đi mãi. Như Lai đi tìm mãi mà không gặp, Như Lai đi tìm người thợ cắt cái nhà này. Lập đi lập lại đời sống quả thật là phiền muộn. Nay hỏi người thợ làm nhà, Như Lai đã tìm được người. Từ đây, người không còn cắt nhà cho Như Lai nữa. Tất cả sườn nhà đều gãy, cây đòn dông của người dựng lên cũng bị phá tan. Như Lai đã chứng quả Vô Sanh Bất diệt và Như Lai đã tận diệt mọi Ái dục.” (Đức Phật và Phật Pháp của Ngài Nārada Thera, Phạm kinh Khách dịch, trang 61- 66).

Trong Kinh Nhất Thiết Như Lai Bí Mật Toàn Thân Xá-Lợi Bảo Khiếp Ấn Đà-la-ni ghi rằng: “Một thời Đức Phật ngự tại Maghada (Ma-già-đà), có một vị Bà-la-môn tên Vô Cấu Diệu Quang, đa văn thông tuệ, mọi người ưa mến, thường tu pháp Thập Thiện, quy tín Tam Bảo, tâm lành ân trọng, trí tuệ vi tế, thường hằng muôn chúng sanh được viên mãn chúng sanh được viên mãn lợi lành, giàu có, phong nhiêu. Ông đã đến thỉnh Phật và đại chúng đến nhà để thọ sự cúng dường. Đức Phật im lặng, hứa khả. Ngày hôm sau, Đức Thế Tôn cùng chúng Tăng đi đến nhà của Bà-la-môn. Dọc đường, Ngài ghé vào khu vườn cách đường không xa, tên là Phong Tài. Trong vườn có một cái tháp, gai góc mọc đầy, cỏ cây che lấp, gạch ngóc đổ nát. Từ trên tháp phóng đại hào quang, chiếu sáng rực rỡ và phát tiếng khen ngợi rằng: “Lành thay! Thích Ca Mâu Ni ngày nay đã làm cực thiện cảnh giới “.

Khi ấy, Đức Phật lễ tháp mục kia, nhiều quang ba vòng và cõi y trên thân để che Tháp, mắt rơi đầy lệ. Đương lúc bảy giờ, mười phương chư Phật đều đồng xem thấy và cũng đều rơi lệ và đồng phóng hào quang đến chiếu nơi tháp đó. Tất cả đại chúng đều kinh ngạc, Ngài Bồ Tát Kim Cang Thủ đại diện thưa thỉnh Đức Phật về những nhân duyên vừa xảy ra.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy: “Trong tháp kia tích chứa đại toàn thân Xá-lợi của Như Lai. Tất cả vô lượng câu chi Như Lai Tâm Đà-la-ni Mật Ấn Pháp Yếu nay ở tại trong đó. Trăm ngàn câu chi Như Lai toàn thân Xá-lợi nhóm tụ trong đó, cho đến 84.000 ngàn pháp uẩn cũng ở tại trong đó, 99 trăm ngàn vạn câu chi Như Lai Đảnh Tướng cũng ở tại trong đó. Do việc màu nhiệm này, cho nên chỗ tháp này có đại thần nghiệm thù thắng oai đức, hay mãn tất cả kiết khánh trong thế gian. Đây không phải là đồng đất mà là thù diệu Đại Bảo Tháp, do nghiệp quả của chúng sanh kém thiếu, cho nên ẩn che mà không hiện. Do tháp ẩn chứa toàn thân Như Lai không thể hủy hoại. Chẳng lẽ Kim Cang Tạng Thân của Như Lai mà có thể hoại diệt chăng? (tr.55- 62)

Trong Kinh Bảo Tát Địa Đà-la-ni, tr. 45: “Này Thiện nam tử ! Các ông phải biết Như lai Xá Lợi tức là vô thượng trong thế gian khó có, các hàng Bồ tát cũng còn khó gặp gỡ, huống nữa thế gian các loại phàm phu. Đó là Vô Tướng Ma ni, là Chơn Tánh Như YÙ Bảo Châu, là Bí Mật Đại Tinh Tấn, là chỗ có báu trang nghiêm của mười phương cõi Phật. Vậy nên trong Kinh này nói dụng vật đoàn viên (tròn trịa) có thể an trí Xá Lợi. Như tâm hình ông, tâm hình Phật, tâm ông tâm Phật xen nhau an trí, thế ông thế Phật hỗ tương dung thông, tánh tướng chen nhau dung thông, tức chẳng phải Nhị Phật thân...”

Những lời trong Kinh này biểu lộ tấm lòng yêu thương rộng lớn, bao la của Đức Thế Tôn đối với muôn loài chúng sanh, với những hình ảnh trong Kinh biểu hiện bình dị, nhưng vô cùng trang nghiêm, rực rỡ, đầy xúc động, Phải chăng, chỉ có Ánh sáng Thanh Tịnh hay cái Tâm không uế nhiễm (Vô Cấu Diệu Quang) mới là sự khởi đầu và chấp nhận dần thân trong cuộc hành trình trở về cõi Tâm. Cho nên, từ ngôi tháp cổ đã mục nát, sụp đổ, Đức Phật dẫn dắt chúng ta đi vào cõi tâm bao la, vô tận (Ngôi Tháp trong vườn Phong Tài) với nhân với quả, với những hành động hay công đức nào để có thể tạo nên được ngôi Tháp. Dù cho ngôi Tháp (Tâm) có bị thời gian tàn phá, dù phiền não có dậy lên như sóng cồn, dù cuồng phong của vọng tưởng, điên đảo có làm cho sụp đổ mọi thành trì tâm thức, thì ngôi Tháp vẫn còn đó và toàn thân Xá lợi của Như Lai vẫn còn đó. Ngôi Tháp có thể cũ kỹ, đổ nát, biểu tượng như là vô minh, là cấu uế, triền phược, nhưng cũng là ngôi Bảo tháp là Tâm, là Phật tánh. Sự thanh tịnh, siêu việt đến từ những gì bình thường, giản dị và xú uế, như hoa sen vươn lên từ bùn nhơ để tỏa hương thơm ngào ngạt. Cái gì đã làm nên toàn thân Xá Lợi của Đức Phật? Đó không phải là những thứ vật liệu, vật chất tầm thường để cấu tạo nên ngôi Tháp, vì mọi hiện tượng hữu vi đều vô thường- mà là những công đức tu

hành của Ngài qua vô lượng kiếp và thân chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây chính là thân Kim Cương bất hoại hay bất sanh bất diệt, do đó, khi Đức Phật lay ngôi tháp mục kia, cũng như là một biểu tượng để nhắc nhở chúng ta trở về với cái tâm bất sanh bất diệt, hiển nhiên, đó cũng là cái Tánh giác tiềm ẩn trong mọi chúng sanh, trong mỗi con người.

Tôi nhớ có đọc bài kệ tán thán công đức của Ngài Bồ tát Địa Tạng trong phần đầu của Kinh Địa Tạng mà mỗi lần đọc đến, tôi đều xúc động.

Chư Phật ba đời đồng tán ngưỡng
mười phương Bồ tát thấy quy y
nhân xưa bồi đắp chút duyên lành
nay con tán dương chân công đức
Địa Tạng Bồ tát đại từ bi
kết tập duyên lành độ chúng sanh
rung tích trượng mở toang cửa ngục
nâng minh châu soi khắp đại thiên....

(Kinh Địa Tạng, bản dịch của Thầy Tuệ Hải)

Tán thán công đức của Bồ tát Địa Tạng hay tán thán Tâm và chỉ có Tâm trở về với Tâm mới có đầy đủ đại nguyện mở toang cửa ngục đã bao đời che lấp Chân Tánh, giam cầm con người trong ngục tối của vô minh, mê lầm và từ đó, nở rộ tấm lòng từ ái đến muôn loài qua biểu tượng Bồ tát Địa Tạng.

Bảo bộ của Mật giáo xuất hiện từ quan niệm về Tánh giác này và có khai thác từ trong đám gạch vụn của trần cấu, mê lầm tìm dấu vết và làm hiển lộ Chân tâm. Vì trong chiều sâu của Tâm, còn gọi là Tầng thức hay thức A lại gia chứa đầy đủ chủng tử của vạn pháp hay hạt giống của thiện ác, của sanh tử, Niết bàn v.v.. Có nhận thức rõ được Tánh Phật nơi mình và sống với Tánh giác đó, mới không bị đuổi theo những vọng tưởng sanh tử, nhận giặc làm con và trôi giạt theo dòng luân hồi như chúng ta đã lang thang

mãi trên con đường bất định và nếu không có tấm lòng từ bi này, ta sẽ mãi mãi đi về đâu? Cho nên, chẳng lạ khi các vị Phật, các vị Thượng sư, các Bồ tát, các Tổ ... đã không ngần ngại đi vào chốn ngũ trược ác thế, dùng nhiều phương tiện thiện xảo để đưa chúng sanh qua bờ Giác, chấm dứt cuộc hành trình trầm luân.

Mật giáo chia ra 2 phần, gọi là: Thai tạng giới và Kim cang giới. Căn cứ theo Kinh Đại Nhật và Kinh Kim Cang Đánh, thì Bảo bộ thuộc Thai tạng giới vì lẽ Thai tạng giới gồm đủ:

- 1- Ân phú : Lý thể ẩn tàng trong phiền não
- 2- Hàm tàng : Lý thể chứa đầy đủ công đức, ví như thai mẹ hàm tàng thân con.

Sở dĩ chúng tôi cần nhấn mạnh đến phần này, vì như Kinh Bảo Tát Địa Đà la ni được trích dẫn ở trên, đã nói: “Vật dụng đoàn viên có thể an trí Xá-lợi, như tâm hình ông tâm hình Phật, tâm ông tâm Phật xen nhau an trí, thể ông thể Phật hỗ tương dung thông, tánh tướng dung thông, tức chẳng phải Nhị Phật thân”. Thai tạng là Thai bào, tiêu biểu cho Chân Tâm chứa đầy đủ Tánh Bi Trí, và Thai nhi chính là hành giả. Thai bào hình tròn, an trú hay ẩn tàng Tánh giác vì Tánh giác ví như mặt trăng tròn sáng. Người hành giả thể nhập vào Chân tâm và từ đó hiển lộ Tánh Phật. Thể nhập có nghĩa là hỗ tương dung thông, tánh Bi Trí từ đó được sanh ra, trong Chân tâm.

Để diễn đạt Phật Tri Kiến, Mật giáo thường dùng ngôn ngữ của biểu tượng, chứ không dùng ngôn ngữ thường dùng hàng ngày vì ngôn ngữ này kẹt vào nhị nguyên (phân hai như: có không, trái phải v.v..) lại từ tâm hạn hẹp do tham ái, thủ chấp, hữu tướng, không thể nói trọn vẹn Trí Phật. "Tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ đoạn đạo". Chỉ rõ lý Bình đẳng chân như không thể trình bày bằng ngôn ngữ cũng như không thể dùng trí phân biệt có thể hiểu nổi. Đến với chân lý rốt ráo đó, thì con đường ngôn ngữ bình thường bị cắt đoạn và cái chỗ của tâm hành hay tâm niệm, tức cái tâm lưu chuyển đã bị diệt. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Cho nên, ngôn ngữ biểu tượng là ngôn ngữ của Giới Định Huệ, vắng bật gốc rễ của khổ đau nên có thể diễn đạt Tánh giác. Cũng như, Thần chú hay chơn ngôn là biểu tượng đơn giản nhưng tột cùng, là máu thịt của ngôn ngữ, nơi không còn ngôn ngữ. Từ luận giải căn bản này mới dẫn đi sâu vào Bảo bộ.

* Bảo bộ ở phương Nam, thuộc Bình đẳng Tánh trí, do Đức Phật Bảo Sanh làm chủ Bộ.

Mẫu tự là chữ LÃM (), Hỏa đại, mùa Hạ, sắc đỏ, thuộc tâm (tim). Đàn hình Tam giác.

Mùa Đông tưởng như chôn vùi tất cả mọi vật dưới sức lạnh tê cóng hay dưới lớp tuyết dày đặc, phủ khắp nơi. Mọi vật như ẩn hình, co cụm lại, chịu đựng cái lạnh thấu xương, để rồi một lúc nào đó, lại bùng bùng sống dậy theo bước chân của nàng Xuân. Mọi vật như tỉnh giấc, sống dậy, những cành cây uốn mình, mỉm cười hé nụ lá, nụ bông, chim chóc hót ca. Cái sức sống mãnh liệt nhất của mùa Xuân lại là Hạ.

Mùa Hạ đem sinh khí sung mãn cho khắp vũ trụ. Tiếng nhạc ve cất lên inh ỏi, đệm thêm cho cái không gian oi bức càng bức xúc hơn. Màu đỏ rực của ánh mặt trời vừa ló dạng, như một sức sống từ từ bùng dậy và hoàn mãn ở cao độ vào giữa trưa của một ngày. Đó cũng là sự trưởng thành của tuổi thanh niên, chín mùi, đầy sinh động, đầy sức sống. Cũng là cái Thần tinh anh của con người, biểu lộ trên gương mặt. Người Thần đủ, gương mặt tươi sáng, Sự hoạt động, náo nhiệt, ồn ào, sức nóng, mưa dầm dề, như hòa lẫn nhau, tạo thành nét đặc thù của hè.

Ai kêu con quốc gọi vào hè

cái nóng nung người nóng nóng ghê (Tản Đà)

Mùa hè được tô đậm bằng màu sắc đỏ rực rỡ, do cái nóng oi bức hay do con tim nóng bỏng, cuồng nhiệt, được bơm bởi dòng máu đỏ. Khi con tim ngừng đập, thì máu huyết ngưng lưu thông, tất cả mọi cử động đều dừng lại và đôi mắt không còn chớp chớp vì e lệ hay xúc động.

Con tim có những lý lẽ của nó. Đúng vậy! Về phương diện sinh lý của cơ thể, chúng ta ăn nhiều thức ăn có nhiều dầu mỡ, nhất là mỡ của động vật v.v... lại ít vận động, dè chừng, lý lẽ của con tim lúc đó là cao máu, nhồi máu cơ tim... Về tâm lý, nếu thường xuyên bị căng thẳng (stress) lo âu, con tim sẽ trả lời bằng đứt gân máu, bại liệt, đau thần kinh, mất ngủ vì lưu lượng máu đưa về não bị giảm, bế tắc. Cơn vui nhiều quá cũng làm tim mệt mỏi (Hỷ thương tâm). Tiếng sét ái tình, những tình cảm lãng mạn ...có làm cho chúng ta trở thành thi sĩ, nhạc sĩ hay văn sĩ bất dất dĩ, và con tim lúc này có

thể khiến ta rên rỉ là trái tim mình trở thành một trái tim khô, trái tim mùa đông, mùa hạ hay thu, rướm máu, ghẻ lở, bên lề v.v...hay là gì đi nữa cho đầy đủ hình ảnh thê lương, ảm đạm nhưng chỉ biết rằng những triệu chứng đó dễ dàng đưa chúng ta đến nơi an nghỉ ngàn thu.

Trong màu sắc của Năm căn, sắc đỏ là Tinh tấn căn hoặc Niệm căn, mang ý nghĩa đại dũng, tinh tấn, nhẫn nhục, chánh niệm, nên tâm thường thanh tịnh, quang minh hiển chiếu.

Bảo bộ có Đàn hình tam giác thuộc pháp Hàng phục, như cái khung chụp hay ẩn chứa mọi vật, làm hàng phục các ma oán cản ngăn con đường đến bờ giải thoát, do đó, cũng là nơi chứa những tốt đẹp, phước huệ vô biên. Đàn tam giác cũng là biểu tượng của hỏa, đó là ngọn lửa của tam muội, của chánh định và 3 góc cạnh của Đàn tam giác đều nhau, gồm Giới-Định-Huệ như ngọn lửa có khả năng thiêu đốt hay nghiền nát những vọng tưởng vô minh. Do đó, không lạ gì khi vị Hành giả vào Đàn, thường quán tưởng chữ Lãm (ở trên) biến hình thành ngọn lửa từ đỉnh đầu đốt cháy xuống toàn thân hành giả, tan ra thành vi trần.

Bảo bộ chủ của Hỏa đại, sức nóng có trong vạn vật hay trong con người cũng chủ cho Tâm hay Chân như.

Trong Kinh Kim Cang nói rằng:" Như lai giả, vô sở tùng lai diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai : Gọi là Như Lai, có nghĩa là không từ đâu đến và cũng không đi về đâu".

Năm vị Phật trong Mật giáo tượng trưng cho lục đại hay năm uẩn trong một sinh vật, như con người, đã chuyển hóa từ Thức thành Trí. Một trong năm vị Phật của Mật giáo, Đức Phật Bảo Sanh là đứng vào hàng thứ ba. Ngài ở phương Nam, thuộc Bình đẳng Tánh trí. Trong Kinh Tâm địa quán nói:"Pháp thân không hình, lìa sắc tướng. Năng tướng, sở tướng thấy đều không. Như thế, chư Phật pháp thân màu sắc, hí luận, ngôn từ tướng vắng lặng". Tuy nhiên, theo Mật giáo:"Pháp thân cũng là sắc thể, nên có thể hiện ra hình sắc, bởi sắc tâm vốn không hai, sắc tánh tức là trí tánh" (Đông Mật của Đại sư Hoằng Pháp, tr. 12). Trong Tự điển Phật học Hán Việt, trang 94:" Đức Phật Bảo Sanh, sắc vàng. Tay trái nắm lại, tay phải mở ra hướng ngoài. Gấp ngón tay vô danh và ngón út lại, ngón giữa và ngón cái dựng đứng như lưỡi kiếm. Có sách ghi rằng: Tay trái giữ 2 góc áo, tay phải ngửa lên, bàn tay thành Ấn Mãn Nguyên. Mật hiệu là Bình Đẳng Kim Cương".

Trong Mật giáo, tay trái thuộc Đại bi và tay phải thuộc Trí tuệ. Tay trái, gập ngón út (Thí) và vô danh (Giới) lại, tức biểu tượng cho ẩn mình trong sự thanh tịnh của giới đức và bố thí, còn gọi là Mật hạnh. Ngón giữa (Nhân) và Cái (Thiền) dựng đứng, biểu tượng cho sự nhẫn nhục, tinh tấn trong thiền định. Từ đó, mới có đề mà cho, như phương tiện thiện xảo của Ấn Mãn Nguyên. Tay trái trong biểu tượng này là Tự thọ dụng tức là đạt được pháp lạc cho mình, tự độ, tự lợi và tay phải biểu tượng cho Tha thọ dụng, tức đem pháp lạc, pháp giải thoát làm lợi ích chúng sanh. Do đó, biểu tượng của Đức Phật Bảo Sanh Thân là Thọ uẩn. Đây là tập hợp sáu giác năng là lục căn, lục nhập hay lục xứ tức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý tiếp xúc với sáu đối tượng hay đối cảnh của chúng gọi là lục cảnh hay lục trần, tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, gây nên cảm giác hay thọ cảm buồn, vui v.v... Nay, được chuyển hóa thành Trí, tức trí chuyển từ thức mật-na, tạo thành các pháp có tác dụng bình đẳng, nên gọi là Bình đẳng tánh trí. Ngài chủ về tu hành, tâm Bồ đề.

Trong Ngũ trí sở sanh tam thân: Phật Bảo Sanh là Thân nghiệp, Bồ tát Hư Không Tạng là Khẩu nghiệp, Kim Cang Quân Đồ li là Ý nghiệp. Hiểu được Biểu tượng này là hiểu được Tam mật (thân, khẩu, ý) tương ứng. Thân thể nhập vào Bốn tôn, tức Phật Bảo Sanh hay Chân Tánh Bình Đẳng, thì Khẩu cũng qui thuận, không còn tạo nghiệp nên tất cả biến thành hư không, và Ý như thanh kiếm Kim Cương chặt đứt mọi phiền não, tịnh được ý nghiệp.

Bây giờ, chúng ta nghiên cứu tiếp bộ Kinh thường được coi là biểu tượng của Bảo bộ, đó là Kinh Phật thuyết Đại Kiết Tường Thiên nữ Thập nhị danh hiệu (Trích trong Mật Tạng VN số 34, trang 383, dịch Hán ra Việt: Huyền Thanh):

"Một thời Đức Bạc-già Phạm ngự ở thế giới An lạc ('Sukhavati). Bấy giờ Bồ tát Ma-ha-tát Quán tự Tại đi đến nơi Phật ngự, cúi lạy sát dưới chân Đức Phật rồi ngồi một bên.

Lúc đó, Bồ tát Ma-ha-tát Đại Kiết Tường Thiên nữ cũng đến nơi Phật ngự, cúi đầu lễ dưới chân Đức Phật rồi ngồi sang một bên.

Khi ấy, Đurúc Thế Tôn muốn đem sự lợi ích cho các hữu tình có phước mỏng, nghèo túng nhìn thấy Thiên nữ Kiết Tường, liền nói với Bồ tát Ma ha tát Quán Tự Tại rằng: "Nếu có Bất số, Bất số ni, Cận sự nam, Cận sự nữ cùng với các loài hữu tình biết được 12 danh hiệu của Thiên nữ Đại Kiết

Tường này mà hay thọ trì, đọc tụng, tu tập, cúng dường, diễn nói cho người khác nghe thì hay từ bỏ tất cả nghiệp chướng nghèo túng, hưởng được sự phú quý, tài sản dư thừa".

Bấy giờ, tất cả Tám Bộ Trời Rồng trong hội đều khác miệng cùng lời, nói rằng: "Nhu lời chân thật không hư dối của Đức Thế Tôn, chúng con nguyện nghe 12 Danh hiệu. Nguyện xin Đức Thế Tôn từ bi diễn nói".

Đức Phật bảo: "Các người hãy lắng nghe! Nay ta sẽ vì các người mà nói, đó là: 1-Kiệt Khánh(Laksmi) 2-Kiệt Tường('Sri) 3-Liên Hoa(Padme) 4-Nghiêm Súc(Vasini) 5-Cụ Tài(Dhànàdhipati) 6- Bạch Sắc(Gauri) 7-Đại Danh Xưng(Mahà Yasa) 8-Đại Quang Diệu(Mahà Jyoti) 9-Thí Thực Giả 10-Thí Âm Giả 11-Bảo Quang(Ratna Prabha) 12-Đại Kiết(Mahà 'Sri). Và, Ngài liền nói Đà-la-ni Đại Kiết Tường là:

Tadyathà: 'Srini 'srini sarva kàrya sàdhani sini sini alaksmi nà'saya svàha).

Khi Đức Thế Tôn nói Đà-la-ni này xong, liền bảo Bồ tát Quán tự tại rằng: "Đà-la-ni Đại Kiết Tường với 12 Danh hiệu này hay trừ sự nghèo túng cùng tất cả mọi việc chẳng lành, bao nhiêu điều nguyện cầu đều được đầy đủ, sẽ mau được tất cả tài bảo, sự giàu có, tốt lành, an vui v.v..."

Không biết trước kia, khi Kinh này được truyền ra, thì sự tin tưởng, đọc tụng, thọ trì cũng như sự linh nghiệm như thế nào. Nhưng, hoàn cảnh khoảng hai thập niên cuối thế kỷ 20 rất là bức bách. Do đó, khi bộ Kinh được Thầy Thích Viên Đức dịch từ Hán ra Việt văn vào năm 1980, thì cả một làn sóng người người trì tụng, cầu xin sự gia hộ để thoát được hoàn cảnh khốn cùng v.v...

Vẫn biết khi tâm cầu chí thành tất có ứng, vì đó cũng là hạnh nguyện của chư Phật, chư Bồ tát v.v...Nhưng, qua sự dồn dập của rất nhiều người thọ trì, đọc tụng ...chỉ vì sự hạn hẹp, chật vật cũng như mưu cầu tư sinh cho đời sống, mà không hiểu ý nghĩa của Kinh, của phương tiện thiện xảo trong Mật giáo, thực sự, làm cho những hành giả của Tông Mật rất lo ngại, vì sẽ dẫn đi thật xa, vượt ra khỏi tư tưởng chính yếu và cứu cánh của Mật giáo. Điều này, nhiều lần tôi có trình bày cùng Thầy Dịch giả Thích Quảng Trí, sau khi Thầy Viên Đức viên tịch.

Trong phần nói về Thiên nữ Kiết Tường trong MT PGVN số 2, trang 369. Chúng ta biết Ngài có tên Phạn là 'Sri Mahàdevi, được gọi là vị Thần hay ban bố phước đức. Là Ái phi của Trời Na-la-diên (Nàrayana Deva), mẹ của Thần Ái dục(Kàma). Cha tên là Long vương Đức-xoa-ca (Taksaka Nàga Ràja), mẹ tên là Ha-li Đế mẫu (Hrtye Màtr), anh là Trời Tỳ-sa-môn (Vai'sravana). Thiên nữ này trong tư tưởng của Ấn độ, được chuyển hóa vào trong Phật giáo, và rất quan trọng trong Mật giáo.

Cho nên, trong Sao ghi rằng: Vào thời Phật Tỳ-bà-thi, Bồ tát này là cô gái tên Nguyệt Sa làm 3 cái bánh phước điền phụng cúng Đức Phật và phát thệ rằng:"Đời sau, con làm Bồ tát Mãn Nguyệt, lúc thành Đẳng Chánh Giác sẽ mang hình thể nữ, diện mạo đoan chánh, đu tướng trắng tròn, ban phước cho tất cả chúng sanh, nguyện chẳng bỏ thân nữ, chẳng bỏ cõi Diêm phù đề, nguyện cứu chúng sanh".

Trong Kinh Đại Kiết Tường ghi rằng:"Này Thiên nữ Kiết Tường! Người sẽ ở thế giới Kiết Tường Bảo Trang nghiêm thành Đẳng Chánh Giác, hiệu là Như Lai Ứng cúng Chánh Đẳng Giác Kiết Tường Ma-ni Bảo Sanh". Còn trong Thiên Vương Niệm tụng pháp ghi: Bồ tát Quán Thế Âm thị hiện hình Thiên nữ tên là Kiết Tường Thiên, nên cư ngụ tại Thế giới Cực Lạc. Bộ Quyết Nghi sao thì cho rằng:" Thiên nữ Kiết Tường đồng thể với Đức Như Lai Bảo Sanh, nên có trú xứ ở phương Nam".

Chúng tôi cố ý dẫn chứng 3 Bộ Kinh căn bản để nói về Bảo Bộ, đó là Kinh Nhất Thiết Như Lai Tâm Bí Mật Toàn thân Xá-lợi Bảo Khiếp Ấn Đà-la-ni, Kinh Bảo Tát Địa Đà-la-ni và Kinh Đại Kiết Tường Thiên nữ Thập nhị Danh Hiệu và qua các bộ Kinh này, chúng ta biết được gì về Bảo Bộ và từ đó, đưa ra thông điệp quan trọng nào để khai phát Tánh Phật trong mỗi chúng sanh để đóng góp cho nền văn minh con người.

"Vào lúc bình minh, sau đêm Ngài đắc quả Vô Thượng. Đức Phật nhìn nhận cuộc đi lang thang bất định trong nhiều kiếp sống quá khứ đầy khổ đau phiền não. Ngài phải đi bất định và do đó, phải chịu khổ đau, bởi vì chưa tìm ra người đã xây dựng cái nhà- tức thể xác này. Trong kiếp sống cuối cùng, giữa khung cảnh cô đơn tịch mịch của rừng thiêng, lúc đi sâu vào công trình thiền định mà Ngài đã dày công trau dồi từ xa xôi trong quá khứ. Ngài khám phá ra anh thợ cắt nhà hằng mong mọi muốn biết. Anh thợ này không phải ở ngoài, mà ở sâu kín bên trong Ngài. Đó là ái dục, sự tự tạo, một thành phần tinh thần luôn luôn ngủ ngầm bên trong tất cả mọi

người. Ái dục xuất phát bằng cách nào thì không thể biết. Cái gì ta tạo ra, ta có thể tiêu diệt.

Cái sườn của căn nhà tự tạo ấy là những ô nhiễm (kilesas) như tham (lobha) sân (dosa) si (moha) ngã mạn ((māna) tà kiến (ditthi) hoài nghi (vickicchā) dã dượi (thīna) phóng dật (uddhacca) không biết hổ thẹn (ahirika) không biết sợ (anottappa). Cây đòn dông chịu đựng cái sườn là vô minh, căn nguyên xuất phát của mọi dục vọng. Phá vỡ được cây đòn dông vô minh bằng trí tuệ tức là đã làm sập được căn nhà. Sườn và đòn dông là những vật liệu mà anh thợ dùng để xây cất cái nhà không đáng cho ta ham muốn. Nếu hết vật liệu tức nhiên anh thợ không còn cất nhà được nữa. Khi cái nhà đã bị phá tan tành thì cái tâm đã đạt đến trạng thái vô lậu, vô sanh bất diệt, là Niết bàn". (Trích trong Đức Phật và Phật Pháp của Đại Đức Nārada Thera, Phạm kim Khánh dịch, tr.66).

Giáo lý tối thượng mà Đức Phật khám phá, cốt lõi đó là đạo lý duyên khởi, nói rõ sự tương duyên tương sanh của tất cả mọi hiện tượng trong vũ trụ, cho đến người:

Cái này có thì cái kia có

cái này sanh thì cái kia sanh

cái này không thì cái kia không

cái này diệt thì cái kia diệt

Từ giáo lý Duyên khởi này đưa đến sự tháo gỡ những khúc mắc đã đưa chúng ta làm người lữ khách trong bao nhiêu kiếp qua, đắm chìm trong vô minh và đau khổ, do sự chấp ngã vì vô minh. Không có một cái gì hoàn toàn độc lập, mà chúng luôn luôn nương dựa vào nhau để hiện hữu. Do đó, chúng vô thường và luôn sanh diệt, biến dạng, điều kiện hóa theo những nhân duyên phối hợp. " Biết được thực tướng là vô tướng, thoát ly niệm, thoát ly hết thấy ngã tướng, hiển bày thực tướng vô tướng. Vì thời gian thực tính là vô ngã nên quá khứ, hiện tại là một, thời gian vô lượng và khoảnh khắc là một. Vì không gian thực tướng là vô ngã, nên xa gần là một, rộng hẹp là một. Vì không gian và thời gian là vô ngã, nên đều dung nhiếp nhau, nên vô ngại. (Tư tưởng Kinh Pháp Hoa, Thích Chơn Thiện, tr.29).

Trong bài Chuyển Pháp Luân đầu tiên khi nhắc quả Vô Thượng Bồ Đề, Đức Phật nhấn mạnh đến Thánh đế đầu tiên- đó là Khổ (dukkha), một trong Tứ Diệu Đế.

Đời sống hiện tại của chúng ta quả có đau khổ và sự khổ đau này đã theo đuổi con người qua bao nhiêu kiếp sống và dù có khoác qua bất kỳ hình thức nào dù buồn vui, hạnh phúc, giàu sang, phú quý mạnh khỏe, sắc đẹp v.v...nhưng hiện hữu của chúng là vô thường. Mọi sự vật luôn luôn biến đổi và càng nhìn ra được sự biến chuyển đó, ta càng sợ hãi. Do chấp vào thân, ta sợ sanh, già, bệnh, chết, sợ mong cầu không được, làm tưởng cuộc đời này thường còn và đi tìm nơi chốn để bám víu. Tất cả mọi hành động, mọi suy nghĩ v.v...đều như để tự lừa dối chính mình về muôn vật đều thường còn, nhất là những gì mình sở hữu, càng cố bám giữ, nên đều được suy diễn như một thái độ chấp hữu, thủ chấp. Chúng ta tin bất cứ điều gì để chỉ có mục đích duy nhất cho sự chấp thủ đó, vô tình lại đem tất cả đất cát, rác rưởi, phiền não, lo âu v.v..phủ dày lên viên ngọc Chân Tánh. Dù vậy, Chân Tánh này không vì thế bị dơ bẩn, vẫn không sinh không diệt, không bị điều kiện hóa hay bị chi phối bởi không-thời gian. Đó là viên ngọc Ma ni Như YÙ hay bản lai diện mục của chúng ta.

Đức Phật đã trải qua vô lượng kiếp tu hành và thành Đạo. Tuy nhiên, có những kiếp sống, là một chúng sanh thường tình, Ngài đã từng đau khổ như chúng ta. Nhưng, sau khi kinh qua những thống khổ này, Ngài nhìn rõ được thực tướng của nó và từ đó, Ngài dần thân vào cuộc hành trình từ bỏ....

Trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương tiện ghi nhận quả Phật từ Duyên khởi:

Chư Phật lưỡng túc tôn

tri pháp thường vô tánh

Phật chủng từng duyên khởi

thị cố thuyết nhất thừa

dịch: Chư Phật viên mãn đức và trí

hiểu biết các pháp rỗng không tự ngã

quả Phật đến từ duyên khởi

nên chỉ nói pháp nhất thừa

Chính cái thân cấu tạo bởi năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành và thức) này là nguyên nhân của sự khổ. Có 3 nguyên nhân chủ yếu làm nhân cho sự khổ, thúc đẩy bởi ái dục hay vô minh:

- 1- Ái dục thỏa mãn cho dục lạc.
- 2- Ái dục vào đời sống, mở rộng cái ngã.
- 3- Ái dục phá hủy những điều không vừa ý

Những hành động thể hiện bởi Ái dục tạo ra

NGHIỆP, chi phối toàn diện con người qua qua thân, miệng, ý và gây ra những hành động thiện hoặc ác, tạo cho đời sống an lạc hay phiền não. Tác ý tức nghiệp. Có Ái dục tức có Vô minh, có Vô minh nên tạo thành Ái dục, tham đắm, đây là 2 sợi dây chằng chịt nối kết nhau làm thành 12 nhân duyên.

Trong lý mê ngộ nhân quả nói rằng: Trong pháp Tứ đế, cái nhân của mê vọng là Tập đế, cái quả của mê vọng là Khổ đế, cái nhân của chứng ngộ là Đạo đế và cái quả của chứng ngộ là Diệt đế. Thánh đế thứ hai (Tập đế) và thứ ba (Diệt đế) là hai giai đoạn quan trọng bậc nhất, sau khi nhận thức được sự Khổ, tìm ra đời mới của của nó, và Đạo đế là hậu quả tất nhiên của hai Thánh đế trên.

Cái gì để chúng ta hiểu được hay thọ nhận ra Khổ đế và từ đó, bước đi những bước trên lộ trình giải thoát. Đó chính là ý thức. “YÙ thức chỉ cho toàn bộ tâm thức, tiềm thức, hiện thức. YÙ thức như một mũi giáo chọc thủng, đi sâu vào tâm thức như một sự soi ngược lại. Cho nên, ý thức bản ngã là trực nhận về nó.” (Triết học Tánh Không của Tuệ Sỹ, tr. 75). YÙ thức là con ngựa bất kham "tâm viên ý mã", nhưng khi đã chuyển thành Trí, nó nhìn ra được gương mặt xưa nay của mình và YÙ thức đã chu toàn trách nhiệm trong Bình đẳng Tánh trí.

Trực nhận ra nó, ta mới nhìn ra đâu là gốc rễ của sanh tử, của Niết bàn và Phiền não - Hạnh phúc qua một sự chuyển y.

Qua Bộ Kinh Nhất thiết Như Lai Bí mật Toàn thân Xá lợi Bảo Khiếp Ấn Đà-la-ni, chúng ta nhận thấy, Ngài đã đưa tay chỉ rõ mặt trăng, đó Chân Tâm. Đức Phật đã đánh lễ ngôi tháp củ được coi là chứa toàn thân Xá-lợi của Đức Phật. Ngài đã mở cửa cho thấy được trong cái thân vô thường của mọi chúng sanh, dù luân chuyển, trầm luân qua bao nhiêu kiếp sống, nhưng tận cùng trong cái thân này có cái bất sanh bất diệt-Đó là Tánh Phật. Đánh lễ tháp như biểu tượng cho cái không gian và thời gian vô cùng vô tận, Tánh Phật này vẫn còn nguyên vẹn như viên ngọc Vô Tướng Ma ni, Chơn Tánh Bảo châu v.v..mà chỉ vì chúng sanh bị nghiệp chướng, báo chướng nặng nề nên không nhìn ra được. Và ở đây, như một lần nữa nhắc nhở cho chúng ta đừng quên Tánh Phật của mình, vì khi quên, chúng ta lại thêm một lần bước lang thang trên con đường vô định.

Nhận thức được như vậy, chúng ta mới hiểu rõ của ý nghĩa của Bảo bộ trong Mật giáo, và mới can đảm thể nhập vào con đường "vô môn" tìm lại con người muôn thuở của mình.

Trong kinh Pháp cú số 276, Đức Phật dạy rằng: "Các người hãy tự mình cố gắng, Như lai chỉ là người chỉ đường". Qua hình ảnh của Đấng Từ phụ đấng quả thành Chánh Giác dưới cội cây Bồ-đề và qua những Giáo pháp còn lưu truyền lại đến nay, và đã biết bao con người đã vượt ra khỏi cái không gian hạn hẹp của thân xác, nhận ra và hằng sống trong Tánh Phật của mình, chúng ta thật là có đại nhân duyên lớn, thừa hưởng pháp nhũ đó. Thật là hạnh phúc biết bao, khi biết hạt giống Tánh Phật có nơi mình. Nhận lấy chủng tử hay hạt giống Phật có nghĩa là gom tất cả điều thiện do thân khẩu ý, các sở hành để đưa đến quả Phật và nối tiếp sự nghiệp của Phật là Giác tha.

Hình ảnh của Thiên nữ Đại Kiết Tường nơi đây lại soi sáng thêm ý nghĩa của Bảo bộ. Nơi nào có Ngài là nơi đó có Ngài Hắc Ám nữ. Tại sao vậy? Bởi vì chúng ta đang sống trong sự đối đãi, nhị nguyên: có không, vinh nhục, thăng trầm, phiền não -Bồ đề v.v...Cho nên, không có Hắc ám nữ thì không có Thiên nữ Kiết Tường. Giải thoát từ nơi phiền não, ly trần cấu từ nơi uế nhiễm, lìa vọng tức chân, đó không phải là lấy cái này bỏ cái kia, mà chỉ là sự chuyển y của tâm thức. Cho nên, tất cả trần cấu đều trở thành báu vật như Như YÙ Bảo Châu hay Như Lai Kiết Tường Ma Ni Bảo Sanh.

"Thiên nữ Kiết Tường cũng là Như Lai Ứng cúng Chánh Đẳng Giác Kiết Tường Ma-ni Bảo Sanh, Ngài cũng là hiện thân của Bồ tát Quán Thế Âm. Ngài còn được coi là phân thân của Như Lai Bảo sanh. Ngài không chỉ có 12 Danh hiệu, 108 Danh hiệu, mà là có đầy đủ muôn đức, vì đó là Tâm Phật, hay Tánh Giác nơi mọi chúng sanh.

Chủng tử là 'SRÌ (), tam-ma-da hình là viên ngọc Như ý. Chủng tử này gồm có:

- SA tự môn là Pháp Thân, Bỏ Tánh Tịch bất khả đắc, trừ tâm sai biệt của các pháp, nhiếp tất cả diệu lý bình đẳng của Pháp.

- RA tự môn là Báo Thân, Ly trần bất khả đắc, tức trừ sự nhơ bẩn của trần nhiễm, nhiếp tất cả phước đức trí tuệ.

- Ì tự môn là Hóa Thân, Tự tại bất khả đắc, tức trừ tất cả tai họa, nhiếp quả viên mãn cứu cánh.

Đây là Tam Thân Nhất Thể. Thường cùng với 3 loại tương ứng này mà nhiếp tất cả pháp. Đó đây, ngang dọc nhiếp trì, trùng trùng vô lượng bình đẳng, không cao thấp. Rốt ráo lia tướng, do lia tất cả tướng, cho nên chứng Tự Chứng Tam Bồ Đề của chư Phật, các Pháp Chân Tục thấy đều được hiện tiền .

Chủng tử này cũng gồm thâu cả Ba Bộ là Phật bộ, Liên Hoa bộ và Kim Cang bộ."(trích MT PGVN tr. 374 - 375).

Theo thiền kiến của chúng tôi, như qua những trích dẫn từ Kinh điển Mật giáo liên hệ đến Bảo bộ, chúng ta đã nhận thức rõ ý nghĩa của Bảo bộ. Đó là biểu tượng cho Chân Tâm Thường Hằng, Bất sanh Bất diệt. Phật bộ là Thể Tánh hay Phật Tri Kiến, Liên hoa bộ biểu hiện cho Từ Bi, Kim cang bộ biểu trưng cho Trí Tuệ và cả 3 đều nhập chung trong Bảo bộ. Bảo Bộ cũng bắt nguồn và sanh khởi từ sự chuyển hóa tam độc tham, sân, si, để trở thành Viên ngọc báu. Phân tách ra để có thể tạm nhận ra phần nào của biểu tượng, nhưng tất cả chỉ là Một và có sẵn đủ trong tâm con người. Ví dụ như viên ngọc Ma Ni Như YÙ, chiếu sáng khắp mọi nơi, mọi phương chốn và tùy tâm ứng nguyện của chúng sanh để bố thí, nhưng tựu trung chỉ là đồng trong thể của viên ngọc. " Biết được Chủng tử, Tam hình, Bỏ tôn là đều chỉ cho Như YÙ Bảo Châu, Thiên nữ Kiết Tường là thực thể của Bảo Châu. tức là Bỏ Tâm của Đức Phật Tỳ-lô-giá-na" (như trên, MT PGVN, tr. 375). Và cần

nhấn mạnh rằng, Bảo bộ tức là lộ trình đã trở về căn nhà của Bồ tâm, được thọ hưởng được cái Gia tài Vô giá mà Đức Phật đã chỉ dạy. Cho nên, Bảo bộ thâm nhiếp cả Đại thừa, Tiểu thừa, Kim cang thừa v.v.v

Vì lẽ đó, trong Kinh Pháp Bảo Đàn, khi nghe được Tổ Huệ Năng trong thốt lên rằng:

“Nào dè tự tánh vốn sẵn thanh tịnh

Nào dè tự tánh vốn không sanh diệt

nào dè tự tánh vốn sẵn đầy đủ

nào dè tự tánh vốn không lay động

nào dè tự tánh có công năng sanh ra muôn pháp

chúng"

Chúng ta mới hiểu được là trong Tâm có tất cả những yếu tố làm nên một vị Giác ngộ. Tâm phàm phu ví như hoa sen chưa nở, Tâm Phật là hoa sen đã hé nở và đây là sen tâm của Phật tánh.

Trong Khế Kinh ghi : "Vô bất tùng thủ pháp giới lưu, mạc bất hoàn qui thủ pháp giới : Không một pháp nào chẳng từ tâm này lưu xuất và không một pháp nào chẳng trở về tâm này". hoặc : "Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ : Pháp nào vẫn an trụ địa vị của pháp này, tướng thế gian là tướng thường trụ". (Đại thừa Khởi tín luận của Tổ Mã Minh, tr, 23- 25).

Trong Kinh Đại Nhật nói: " Ai muốn tu thành Phật đều phải có đủ: Bồ đề tâm, làm nhân. Đại bi làm căn, tức hạnh và Phương tiện làm cứu cánh, tức quả".

Tâm Bồ đề tức là trực tâm hay là nguyên ủy của Bảo bộ. Trực tâm: Ví như pháp thân, thân tâm ví như pháp đại thừa, pháp giải thoát. Bồ đề tâm ví như Trí tuệ Bát nhã. Trực tâm (Giới) thân tâm (Định) Bồ đề tâm (Huệ).

Khi hiểu được thân người là vô thường, biến đổi vì do nhân duyên hòa hợp nên thành. Hiểu rõ được khổ đau, phiền não là do chấp ngã và nhận thức được ra lý duyên khởi của vạn pháp. Người hành giả nhìn ra Phật tánh

nơi chính mình và của chúng sanh, nhưng tấm lòng vì những chúng sanh vẫn còn đang vẫy vùng trong biển nghiệp, lưu lạc trong ba cõi, sáu đường, nên họ phát Bồ đề tâm nguyện độ sanh, để cùng nhau vượt bể khổ, đứng theo tinh thần Đại thừa hay Bồ tát đạo.

Trong phần Tiểu dẫn khi dịch Văn phát Bồ đề tâm của Ngài Thật Hiền, Thầy Thích Trí Quang có nói:" Trong Tam tạng, Bồ đề tâm được nói một cách trang trọng, không hơn thì bằng mà thôi, chứ không kém một pháp nào. Phát Bồ đề tâm, nói đơn giản là trước hết lập cái chí nguyện mong cầu Tuệ giác Vô thượng Bồ đề, kế đó phát triển Tuệ giác ấy, cuối cùng, phát hiện bản thể của Tuệ giác ấy là Chân như. Giai đoạn trước hết, chí nguyện mong cầu Tuệ giác Vô thượng Bồ đề hàm có 2 tính chất: Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.Như vậy, đối với người học Phật, phát Bồ đề tâm không những là bước đầu, mà còn là căn bản, không những là căn bản mà còn là cứu cánh.

Về lý do phát Bồ đề tâm, ngoài nỗi thống khổ sanh tử mà mình mục kích và ý thức, có 2 việc mà kinh luận đề cập nhiều nhất, đó là tự biết mình có thể làm Phật, và, tha thiết hơn cả, nghĩ đến sự suy tàn của Phật pháp" (trang 8).

Đây là những bậc xả ly, những người muốn ra khỏi tam giới, dù mang bất cứ hình thức nào, nhưng tâm hạnh của họ là sự từ bỏ. Vì sự chứng đắc Tuệ giác, vì phát nguyện độ sanh, vì sợ suy tàn của Phật pháp- có nghĩa là hạt giống Phật sẽ không còn. Đòi hỏi sự xả ly, vì không có sự từ bỏ thì không có sự chứng đắc, vì vẫn còn sự chấp trước dù dưới mang danh nghĩa cao đẹp như hạnh phúc hay phiền não. Cho nên, sự từ bỏ hay xả ly là căn bản của lộ trình giải thoát, đưa tâm mình đến cõi giới rộng bao la.

Càng xả ly, từ bỏ bao nhiêu thì sự phì nhiêu của tâm linh tràn đầy bấy nhiêu. Không gian của tâm sẽ rộng hơn, không còn sự nhỏ hẹp của tâm địa hạn hẹp, vướng chấp. Cho đến khi sự từ bỏ tuyệt đối, không còn một vướng mắc nào, thì chính đó là sự tròn đầy của Bảo bộ. Bởi vì trong vùng trời cao rộng của Chân Tâm, đó là một tài nguyên hay kho tàng vô giá, xài bất tận, vì nó không hình tướng, không một dung chứa nào, nên nó vô cùng vô tận. Tâm vô cùng thì kho tàng cũng vô cùng tận. Người chứng đắc là người bơi lội và hành sử kho tàng này một cách vô ngại.

Qua đó, họ có lòng hướng dẫn cho mọi người được mở rộng tâm giới hay nhãn giới để nhìn thấy Chân tánh, thấy rõ “Bản lai diện mục” của

mình. Tuy nhiên, điều này cũng thật là vô cùng khó khăn, như đối với người nghèo cùng tận lại nói kho báu trong nhà có thể xài vô tận, trong khi người này chưa ý thức thế nào là kho báu và việc trước mắt là cần nắm ngay những cái hiện hữu, sở hữu trước mắt. Sự xả bỏ là một điều cay đắng, mất mát với họ. Sự đối nghịch này là do nghiệp thức người đó còn đong đưa giữa hai bờ: Giải thoát hay luân hồi.

Trong Tư tưởng Kinh Pháp Hoa của Thầy Chơn Thiện, trang 26: "Giáo nghĩa trọng tâm của Kinh là Lục độ Ba la mật của Bồ tát hay gọi là giáo nghĩa duyên khởi và Tứ đế được hành ở cấp độ rốt ráo với đại nguyện độ sanh. Tại đây, ý nghĩa khai-thị-ngộ-nhập hiển lộ:

- Phật tri kiến là tri kiến giải thoát ở cuối đường Lục độ ba la mật (khai thị)
- tự mình thấy rõ điều đó là ngộ Phật tri kiến
- hành viên mãn lục độ để thành tựu trí tuệ vô ngã,
- viên mãn với tâm đãi từ đại bi là nhập Phật tri kiến"

Khi đã ngộ Nhập Phật Tri kiến, như đã nói ở trên: Lý tưởng độ sanh của Bồ tát là những cuộc dẫn thân vào các cõi bất toàn, khổ đau như là một chặng đường sau cùng của giải thoát. Người hành giả giải trừ được Ngũ ác kiến, gồm có: Thân kiến: tin chắc là thường có cái thân. Biên kiến: thường chấp một bên như tin chắc sau khi chết, ngã thể đoạn diệt hoặc thường tồn tại. Tà kiến: không tin có lý nhân quả, dứt đường thiện căn. Kiến thủ kiến: cho những ý kiến trên là chân lý cứu cánh, rồi chấp trước. Giới cấm thủ kiến: lấy những điều giới cấm phi lý làm nhân để sanh thiên, hưởng lạc. Đó là 5 lợi sử trong thập sử. Cho nên, khu dứt được ngũ kiến liền đắc Đệ nhất nghĩa không, gọi là vô sở đắc và đi sâu vào Phật trí với 6 hạnh: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Trong sáu hạnh này, lấy Trí tuệ làm đầu. Như Kinh Lăng Nghiêm nói: "Tam vô lậu học là: Nhiếp tâm là giới, nhân giới sanh định, nhân định phát huệ". Vì trí tuệ soi sáng được mọi hạnh nguyện, thoát ra khỏi 4 tướng: nhân, ngã, chúng sanh, thọ giả.

Trong Bộ Mật tông của Đại sư Hoàng Pháp, Phần Lập Đàn, tr. 45 nói rằng: "Những vị tu hạnh Du già, muốn thành tựu Pháp Thế gian và Xuất thế gian, trước nhất cần phải phát tâm Bồ-đề, vào Hải hội Mạn-đà-la của chư Phật, giữ giới thanh tịnh, xa lìa vọng duyên, nghiệp thân-khẩu-ý thường như

thật, hiểu rõ lý tánh tướng. Những vị như thế, mới có thể kiến lập Mạn-đà-la để làm lợi ích cho mình và người"

Điều này cũng đồng với tư tưởng trong Kinh Pháp Hoa:" Vào Như Lai, mặc áo Như Lai v.v...". Pháp xuất thế gian hay thế gian là hạnh nguyện của Bồ tát, từ tâm phát Bồ-đề và nhập vào Thê Tánh của chư Phật và hiểu rõ tướng tận thực tướng, thực tánh của các Pháp, xa lìa vọng duyên v.v...mới kiến lập được Mạn-đà-la hay cõi Tâm, cõi Phật. Cõi Tịnh độ này được tạo thành do và bởi chúng sanh. Trong Kinh Duy Ma Cật, tr. 16 – 18 , Liên hoa Tịnh huệ dịch) : "Do tâm thanh tịnh nên quốc độ thanh tịnh, do tâm bình đẳng, không cầu uế nên các cõi báu trang nghiêm"

Nghi quỹ Thọ Bồ đề Tâm giới cũng đồng nghĩa như trên, phát tâm Vô Thượng Bồ Đề:

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phước trí vô cùng thệ nguyện tu

Như Lai vô số thệ phụng sự

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành

Do phát tâm, nên xa lìa ngã tướng và pháp tướng, hiểu rõ Bản giác Chân như, khiến Chánh trí Bình đẳng hiện tiền, được phương tiện hay khéo cùng tròn đủ Hạnh Phổ Hiền".(Mật Tông, tr.62).

Do dẫn thân theo lý tướng Tự giác, Giác tha này, hành giả sử dụng biết bao phương tiện để độ sanh, và Giác hạnh viên mãn. Cho nên, trong Mật Tạng ký nói rằng:" Mỗi vị Bồ tát đều có 3 thân, tức Tự tánh luân thân, là Pháp thân của Phật trụ ở tự tánh. Chánh pháp luân thân là Chân thực thân để dùng tráp pháp độ người. Giáo lệnh luân thân là thân nhận giáo lệnh của Phật hóa hiện thành Phần nộ hình để hàng phục chúng sanh ương ngạnh". Tất cả đều là phương tiện thiện xảo để đưa đến cứu cánh duy nhất là: Đồng thành Phật đạo.

Đem đạo để chuyển hóa cuộc đời, bởi vì đời cũng chính là Đạo, trong cái đời sống thường tục. Nơi trong phiền não, uế trước có sự hiển hiện của Bồ đề, Niết bàn, chỉ chuyển y, Chuyển những tham sân si, chấp thủ, tham ái do quán tưởng hay dùng câu chân ngôn đi sâu vào tận hang ổ của phiền não, sanh diệt để nhổ những gốc rễ của sanh tử, khổ đau này và nương theo giới định huệ và tâm Đại bi. Mật giáo qua thân khẩu ý tương ưng, đạt đến Giới-định-huệ, nhưng rất coi trọng tâm Đại Bi vì đó là nguyện và sở hành. Mật tâm này cũng rất là nguy hiểm, nếu không khéo sử dụng sẽ rơi vào pháp thuật thần thông, tạo thêm nhiều si mê, chấp thủ và tham ái, ôm phương tiện làm cứu cánh và tạo thành nỗi khổ luân hồi. Trong khi, Mật giáo miên mật cốt để dùng Mật nhũ rửa sạch, chuyển y cái gốc rễ này để thoát ra khỏi vọng chấp, chứng ngộ Chân Tánh.

Kinh Viên Giác, trang 10 : "Nói về Nhân địa tu hành của các Đức Như Lai. Khi Bồ tát Văn Thù hỏi Phật: Các vị Bồ tát đối với đại thừa đã phát tâm Bồ đề rồi, làm sao xa lìa các bệnh (trừ vọng) khiến cho chúng khỏi đọa vào đường tà kiến"

Khi Đức Phật trả lời Ngài Văn Thù: Ta có đại đà la ni tên là Viên giác, từ tánh giác này mà sanh ra tất cả các Pháp thanh tịnh như Chân như, Bồ đề, Niết bàn, Ba la mật v.v..Do đây, mà vĩnh viễn đoạn trừ vô minh, được sáng suốt thanh tịnh viên mãn, nên mới được gọi là Phật". Do đó, để thể nhập vào Bảo bộ hay Tánh Viên Giác, chúng ta phải hiểu gốc rễ khổ đau nào đã đưa đến trầm luân, đoạn cắt đường Bồ đề.

Cái khổ nạn nặng nề nhất, đó là cái chấp ngã, chấp pháp, vì không nhìn rõ được thực tướng của sự vật do duyên sanh. Do đó, sanh ra phiền não. Phiền não này gồm:" Căn bản phiền não và tùy phiền não cả hai đều do tâm sanh, do vọng chấp và đó là cội guồng phát sanh tam giới, tạo nên vô số pháp giới thiên sai vạn biệt.

- Tâm phiền não tạo nên cõi tam địa địa ngục
- Tâm thanh tịnh tạo nên cảnh giới thanh tịnh, Niết bàn. (Kinh Duy Ma Cật, trang 29).

" YU thức được ngũ uẩn là không, do nhiều duyên hợp thành. Cho nên, người hành giả không còn bị ràng buộc trong ngũ uẩn. Trong một bài thuyết pháp đầu tiên, Đức Phật nói:"Này các Tỳ kheo, thế nào là khổ? Đó chính là ngũ uẩn. Mọi sự vật ràng buộc trong ngũ uẩn là khổ". Đặc tính của

ngũ uẩn luôn luôn biến đổi. Những gì vô thường đều là khổ".(Trích trong Tứ Diệu đế, Thầy Thích Mãn Giác, tr.12).

Lý duyên sanh chi phối mọi hiện tượng của vũ trụ cũng như giữa con người và vạn hữu. Mọi hiện tượng giới đều bị chi phối bởi sự duyên sanh duyên diệt này. Người hành giả khi thấu rõ Phật Tri kiến, nhận thức các pháp hữu vi đều vô thường nên xa lìa trần cấu, do đó phá vỡ được ngã và pháp chấp.

Chúng tôi cũng xin nói qua về sự tu bố thí: Trong đạo Phật, có nhiều nhà nghiên cứu hoặc học giả cho rằng: Càng bố thí nhiều thì càng có nhiều phước báu và những người giàu có, nhiều phước báu thì dễ tu. Đứng trên phương diện tục đế, có thể đúng một phần, nhưng trên phương diện chân đế, vấn đề mới lại xảy ra. Chúng ta đều biết, cứu cánh của đạo Phật giải thoát khỏi sanh tử luân hồi, bên cạnh đó là phước huệ song tu. Vì thế, Đức Cồ Đàm được gọi là Đấng Lương Túc Tôn, hàm ý đầy đủ Phước Trí Nhị nghiêm. Nếu cho rằng: cứ tu phước và hồi hướng tất cả về quả vị Phật thì chắc chắn sẽ thành Phật hoặc giả, người nhiều phước báu sẽ dễ tu thiền hơn. Theo thiên ý, đó là cái nhìn của biên kiến, nhị nguyên hay giới hạn theo một mặt nhìn hoặc nói để khuyến khích sự bố thí. Còn nói đến Bố thí ba-la-mật, thì đó là khía cạnh khác của vấn đề, vì nếu đã gọi là Bố thí ba-la-mật, thì người hành giả dù là hiện thân bình thường, nhưng không còn là con người bình thường như chúng ta, mà là những vị đã và đang hành hạnh của Bồ tát, vì giác ngộ cảnh giới bất nhị và biết cuộc đời là huyễn hóa. Có nghĩa là trên cầu thành Phật, dưới hóa độ chúng sanh.

Trong hỗn mang của biển nghiệp, phước báo chỉ làm nhẹ bớt dòng nghiệp, nhưng không có nghĩa là nghiệp lực không còn tác dụng. Chỉ có trí tuệ do sự tu tập thiền định, do miên mật trong sự quán tưởng thành thực, thể nhập vào Bản tôn và chứng ngộ được tánh không, thì nghiệp lực không còn giá trị tác dụng. Điều đó, có nghĩa là sức nghiệp vẫn còn đó, nhưng người hành giả đã nhận biết thực tánh của nó, nên không còn bị nó chi phối. Do đó, nếu không thực tu và không khéo uyển chuyển giữa phước huệ song tu, thì đó, cũng sẽ là nguyên nhân của đời thứ ba và chúng ta không biết mình sẽ ra sao?

Cuộc sống càng ngày càng xáo trộn, đảo điên, lẫn lộn giữa phương tiện và cứu cánh. Mỗi ngày có biết bao nhiêu cảnh địa ngục xảy ra, trong tâm mọi người, trong môi trường xã hội chung quanh. Nếu gọi đó là nền văn minh hiện đại, xu hướng phải tiến triển như vậy, thì đó là sự sa đọa trầm

trọng của tâm thức con người. Đời sống văn hóa của nhân loại cần phải có một nền văn hóa nhân bản với chiều sâu, có thể chuyển hóa những phiền não, tham sân si, vọng chấp, thủ kiến, tham ái ...đã, đang và sẽ dẫn con người đến chỗ diệt vong, để chúng trở thành những tinh hoa, tâm linh, giải thoát và về chiều rộng, đưa con người đến chỗ gần nhau trọng nhau, hiểu nhau, trong tinh thần tương duyên tương sanh, vì đã thoát ra khỏi những ràng buộc hẹp hòi của 3 độc này.

Nền văn hóa tâm linh đó không nhất thiết phải là tôn giáo vì nếu chỉ vì tôn giáo độc tôn, quá khích v.v...mà đưa con người đến sự hủy hoại lẫn nhau, để bảo vệ sự chấp thủ hay tôn giáo của mình, thì tôn giáo đó không cần thiết.

Trong suối nguồn tâm linh của nhân loại, có đạo Phật. Diệu pháp của Đức Phật có thể cứu giúp chúng sanh thoát khỏi khổ đau, vượt ra khỏi đời sống đen tối, hạn hẹp của vô minh. Đạo Phật có thể hòa mình theo từng văn hóa của mỗi quốc gia để đem tư tưởng Giác ngộ, từ bi, trí tuệ làm lành mạnh tâm linh con người. Chúng ta có thể không cần xem đạo Phật như là một tôn giáo, nhưng là con đường đưa đến giải thoát, và Đức Phật chỉ là một người chỉ đường.

Chúng ta có thể áp dụng giáo pháp của Đức Phật qua sự kinh nghiệm của mình và nếu giáo pháp đó đưa chúng ta ra khỏi tâm cảnh mê lầm, rồi ren, thì chúng hãy tin theo. Đó cũng là lời Phật dạy.

Qua những phân tích, trình bày ở trên. Với kiến thức hạn hẹp, với sự tu học còn yếu kém, chúng tôi chỉ xin nêu lên một số Kinh và với nhận xét riêng của mình về lý tưởng giải thoát của Bảo bộ trong Mật giáo. Với sự tiến triển của tin học, truyền thông v.v.. con người như gần lại với nhau, nhưng vì còn bị đói kém tâm linh, chúng ta lang thang trong sự thù hận, đố kỵ, ganh ghét, quá khích đã làm cho sự gần nhau này trở thành nguy hiểm, đáng sợ. Do đó, nói đến Bảo bộ là nói đến sự hóa giải này bằng sự Giác ngộ Chân Tâm.

Những hành giả của Mật giáo, qua Bảo bộ, là những người có niềm tin chắc là mình có Phật tánh và tất cả mọi người đều là Phật sẽ thành. Do đó, họ được khai thị, ngộ và nhập Tri Kiến Phật, và đường đi của họ là sự đồng hành với mọi người trên tâm lộ rộng mênh mông, và những gì thái quá, cố chấp không còn đất đứng.

Vì nhận thức rõ mình có Tánh Phật, và vạn vật đều có mặt do duyên sanh, không tự tánh, vô thường. Cho nên, trong khi thọ Bồ đề Tâm giới, họ phát nguyện rằng:

- Không lui sụt tâm Bồ, vì phòng ngại cho sự thành Phật.
- Không bỏ ngôi Tam bảo, quy y theo ngoại đạo, vì đó là tà pháp.
- Không hủy báng Tam bảo và giáo điển Đại thừa, vì làm như thế là trái với Phật tánh.
- Đối với những kinh điển Đại thừa rộng sâu, chỗ mình không thông hiểu cũng không sanh lòng phỉ báng, vì đó chẳng phải là cảnh giới của phàm phu.
- Đối với chúng sanh đã phát Bồ đề tâm, không nói những điều làm cho họ thoái tâm, trở về với Nhị thừa, vì làm như thế là đoạn hạt giống Tam bảo.
- Đối với những kẻ chưa phát tâm Bồ đề, cũng không nói pháp khó tin hiểu của Đại thừa, khiến họ nghi ngại rồi thoái tâm trở lại Nhị thừa, vì làm như thế là trái với bản thể.
- Trước hạng người Nhị thừa và kẻ tà kiến, không nên vội nói pháp Đại thừa sâu mầu, vì e họ sanh lòng nghi báng mà mang tội nặng.
- Không khởi các pháp tà kiến, vì như thế là đoạn căn lành.
- Trước kẻ ngoại đạo, không nên nói mình được giới mầu Vô thượng Bồ đề, khiến họ sanh lòng ganh giận, tìm cầu giới ấy không được rồi về sau không thể phát tâm Bồ đề, vì làm như thế cả hai đều tổn hại.
- Những điều gì có tổn hại hoặc không lợi ích cho chúng sanh đều chẳng nên tự làm, bảo người làm, thấy kẻ khác làm vui theo, bởi như thế là trái với pháp lợi tha và lòng từ mẫn.

Do thọ giới pháp nội chứng thanh tịnh vô lậu của chư Phật, nhập vào Nhất thế trí. Những hành giả này đem Tứ nhiếp pháp để tùy thuận chúng sanh mà làm lợi lạc cho họ, đó là Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự.

- Vì muốn điều phục nghiệp tham lam, bôn sển từ vô thí, để làm lợi ích chúng sanh, nên họ Bố thí.

- Vì muốn điều phục những phiền não, giận hờn, kiêu mạn từ vô thi, để làm lợi ích chúng sanh, nên phải thực hành Ái ngữ.

- Vì muốn làm lợi ích cho chúng sanh để tròn đủ bản nguyện, nên phải tu pháp Lợi hành.

- Vì muốn gần gũi Đại thiện tri thức, để làm cho tâm lành không bị gián đoạn, nên phải thực hành môn Đồng sự.

(Trích trong Phần Thọ Bò đề Tâm giới, trong Đông Mật của Đại sư Hoằng Pháp, tr.64 - 65).

Do đó, Mật giáo- một phương tiện đưa đến giải thoát trong Đạo Phật, tồn tại như một bóng mát của cây Từ bi phủ lấp cả bầu trời mê lầm, vọng tưởng, đảo điên. Và điều càng nghịch lý hơn nữa, khi xã hội càng văn minh, khoa học kỹ thuật càng tiến bộ vượt bậc, thì sự mâu nhiệm của Mật giáo càng hiển lộ đẹp đẽ, siêu thoát, dẫn đường cho nhân loại trong cuộc sống an lạc, hạnh phúc.

Với kiến thức hạn hẹp, lại dám nói đến vấn đề to lớn này, là Bảo bộ hay sự khai triển Phật chất để đóng góp cho nền văn hóa tâm linh nhân loại. Cho nên, không khỏi có những sai lầm do sự hiểu biết kém cỏi hoặc nghiên cứu chưa tới nơi tới chốn, hay suy diễn không đúng, kính mong các vị cao minh vui lòng chỉ giáo cho.

Xin một chút tấm lòng là: Cầu cho mọi người khi đọc qua Tiểu luận này, xin nhận ra Phật tánh nơi mình, đó là Bảo bộ hay gia tài vô giá mà Đấng Cha Lành trao lại, hãy khai triển, sống, thể nhập để làm lợi ích cho mình và cho mọi người.

Mong lắm thay !

Viết xong ngày 14.01.2004 (ngày 23.12.Quý Mùi)

tại Đất lành (Sugar Land), Texas. Hoa kỳ

NHỮNG SÁCH THAM KHẢO

- Mật Tông của Đại sư Hoằng Pháp. Dịch giả: Thầy Thích Quảng Trí, 1980.
- Thiền luận của Thiền sư Daisetz Teitōro Suzuki, Thầy Tuệ Sỹ dịch, 1970.
- Khảo nghiệm Duy thức học, Soạn giả: Thầy Thích Thắng Hoan, 1992.
- Trung quán Luận của Nagarjuna. Biên dịch & giải thích: Thầy Thích Quảng Liên, 1994.
- Kinh Tô Tất Địa. Dịch giả: Thầy Thích Viên Đức.
- Triết học về Tánh không. Khảo luận: Thầy Tuệ Sỹ, 1970.
- Những câu hỏi thông thường về Đạo Phật. Thầy Thích Thiện Châu, 1997.
- 10 ngày thiền tập. Thiền sư Kim Triệu, 1997.
- Pháp ngữ. H.T. Duy Nhân. Dịch giả: Nguyên Chon - Nhật Đạo, 1995.
- Cách nhìn của Phật giáo đối với vấn đề Luân hồi của Đại sư Tịnh Vân. Dịch giả: Thích hạnh Bình - Nguyên Khuê - Thích Thanh Hòa.
- Mở con mắt Thiền. Thích Thông Phương, PL.2546.
- Phật học từ điển. Cư sĩ Đoàn trung Còn, 1963.
- Tứ Diệu Đế. Thầy Thích Mãn Giác, 1983.
- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giảng diễn lục. Đại sư Thái Hư giảng. Dịch giả: H.T. Trí Nghiêm, 1970.

- Từ điển Phật học Hán Việt. Phân viện nghiên cứu Phật học, 1994.
- Mật Tạng Phật giáo Việt Nam Tập 1 - 2.
- Kinh Chuẩn Đề Đà-la-ni. Dịch giả: Thầy Thích Viên Đức, 1973.
- Phật học phổ thông. Soạn giả: Thầy Thích Thiện Hoa, 1964.
- Trao cho thời đại một nội dung Phật chất của Thầy Thích Đức Nhuận,
- Nguyên nhân Luận. H.T. Khánh Anh, 1952.
- Tư tưởng Kinh Pháp Hoa. Thầy Thích Chơn Thiện, 1999.
- Phật giáo Việt Nam. Gs. Nguyễn đăng Thục, 1974.
- Đức Phật và Phập pháp. Đại Đức Narada Thera. Dịch giả: Phạm kim Khánh.
- Kinh Nhất thiết Như Lai Bí mật Toàn thân Xá lợi Bảo khiếp Ấn Đà-la-ni. Dịch giả: Thầy Thích Viên Đức.
- Kinh Bảo tất Địa Thành Phật Đà-la-ni. Dịch giả: Thầy Thích Viên Đức.
- An introduction to Buddhist Esoterism. Tác giả: Benoytosh Bhattacharya. Delhi 1986.
- Shingon-Japanese esoteric Buddhism. Tác giả: Taiko Yamasaki. Shambala 1988.
- Foundations of Tibetan Mysticism. Lama Anagarika Govinda, 1996.

---o0o---

Hết

